TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/ HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2019
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng văn Hai;

Ông Nguyễn Phát Triển.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2019/TLST-HNGĐ, ngày 24/4/2019, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/5/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị P - *Sinh năm*: 1965 (có mặt); *Địa chỉ*: 12B/TL, ấp T L, xã H T, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: 354, khóm T T, phường A H, thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Văn M - *Sinh năm*: 1967 (có mặt); *Địa chỉ*: 12B/TL, ấp T L, xã Hòa Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/4/2019, biên bản hòa giải ngày 28/5/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị P trình bày:

Vào tháng 6/1987 Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn M có tổ chức đám cưới sống chung nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung được 01 thời gian dày, sau này có nhiều mâu thuẩn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không hợp nhau, thương xuyên cự cải, vợ chồng ly thân khoảng 02 năm nay; mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, Nguyễn Thị P yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Về con chung, vợ chồng có 02

con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/6/1993 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/9/1996, hai con đã trưởng thành chị Nguyễn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/5/2019 và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn M trình bày:

Theo lời trình bày của Nguyễn Thị P là đúng, vợ chồng sống chung nhau như vợ chồng từ tháng 6/1987, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình sống chung cũng có mâu thuẩn như chị P trình bày, anh M đồng ý ly hôn với chị P. Về con chung vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/6/1993 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/9/1996, hai con đã trưởng thành anh Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn M sống chung như vợ chồng từ tháng 6 năm 1987 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Do đó, pháp luật không công nhận là vợ chồng, vì đã vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý…".

Tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"*1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này…".*

Đối chiếu khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình có ghi:

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...".

[2] Về con chung: Hai con chung là Nguyễn Văn D, sinh ngày 13/6/1993 và Nguyễn Văn Q, sinh ngày 09/9/1996 đã trưởng thành, Nguyễn Thị P và

Nguyễn Văn M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn M đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận Nguyễn Thị P và Nguyễn Văn M là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm: Nguyễn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0008670, ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị P đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2019).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Văn Út

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.